

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HNGĐ-ST

Ngày 14-5-2026

"Vv Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Mai Hồng Thái, bà Hoàng Thị Hải Yến.

-Thư ký phiên tòa: bà Cao Thị Hồng - Thư ký viên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Thảo- Kiểm sát viên.

Ngày 14/5/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang. Địa chỉ số 331, đường Trần Phú, tổ 06 Trần Phú, phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 78/2026/TLST-HNGĐ ngày 09/3/2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Duyệt Thị Ph, sinh năm 1999; địa chỉ: thôn Khuổi V, xã L, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* anh Lê Thanh D, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn 14, xã V, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt lần thứ 2 (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ kèm theo, nguyên đơn chị Duyệt Thị Ph trình bày: tôi và anh D xây dựng gia đình với nhau từ năm 2018, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V vào ngày 07/8/2018 theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn tôi về ở tại gia đình nhà anh D tổ 14, xã V, tỉnh Tuyên Quang, thời gian đầu chúng tôi chung sống hạnh phúc; sau đó mâu thuẫn phát sinh, lý do là cả hai có sự khác biệt về quan điểm sống, thiếu sự thấu hiểu, đồng cảm giữa hai bên, không có tiếng nói chung; thiếu sự san sẻ trong công việc nhà, cũng như chăm sóc con cái, quản lý, chi tiêu tài chính trong gia đình. Mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi đã được mọi người trong gia đình khuyên bảo nhiều lần, nhưng không có kết quả. Do đó, tôi tự thấy tình cảm vợ chồng giữa tôi và anh D không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, nên tôi có nguyện vọng xin được ly hôn với anh D.

Quá trình chung sống, chúng tôi có hai con chung là cháu Lê Thanh H, sinh ngày 02/02/2019 và cháu Lê Linh Đ, sinh ngày 30/11/2020. Từ khi cháu H được khoảng 02 tuổi tôi đã đưa cả hai cháu về nhà ông bà ngoại (bố mẹ tôi),

đồng thời chuyển hộ khẩu cho cả hai cháu về nhà ông bà ngoại (có sự đồng ý của anh D) cho đến nay, hiện tại cả hai cháu đang ở với tôi và bố mẹ tôi. Cháu Lê Thanh H, sinh ngày 02/02/2019 hiện đang học lớp 1 tại Trường tiểu học A Ngọc L, xã L, còn cháu Lê Linh Đ, sinh ngày 30/11/2020 đang học lớp 5 tuổi A Ngọc L, xã L. Cuộc sống và điều kiện học tập của các cháu hoàn toàn bình thường. Tôi có nguyện vọng nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh D phải đóng góp phí tồn nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ chung: không có nên tôi không yêu cầu Toà án đề cập xem xét, giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn là anh Lê Thanh D: các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh đối với trường thôn 14, xã V, biên bản lập tại gia đình ông Lê Xuân T (bố đẻ anh D) thể hiện anh Lê Thanh D có mặt tại địa phương và đang ở chung với bố mẹ anh D là ông Lê Xuân T và bà Nguyễn Thị B tại địa chỉ thôn 14, xã V, tỉnh Tuyên Quang. Tuy nhiên, anh Lê Thanh D từ chối làm việc với Toà án, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án. Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành triệu tập nhưng anh D vắng mặt không có lý do chính đáng mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Đồng thời, anh D vắng mặt không có lý do tại các tất cả các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Toà án. Do đó, Toà án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà ngày 27/4/2026, các bên đương sự đều vắng mặt (*nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do*). Toà án đã ra quyết định hoãn phiên toà và ấn định thời gian mở lại phiên toà vào ngày 14/5/2026.

Tại phiên toà ngày 14/5/2026, các bên đương sự tiếp tục vắng mặt (*nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ*). Do đó, HĐXX quyết định vẫn tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang có ý kiến, quan điểm như sau:

Về tố tụng: quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Việc Tòa án tổng đạt văn bản cho bị đơn D qua người thân (ông T) khi anh D cố tình né tránh là đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Duyệt Thị Ph.

2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Duý Thị Ph được ly hôn với anh Lê Thanh D.

3. Về con chung: giao các cháu Lê Thanh H, sinh ngày 02/02/2019 và cháu Lê Linh Đ, sinh ngày 30/11/2020 cho chị Duý Thị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hoặc do yêu cầu của một trong các bên đương sự, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản, công nợ chung: không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: chị Duý Thị Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ph đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000393 ngày 09/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Lê Thanh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: chị Duý Thị Ph và anh Lê Thanh D xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện Vị Xuyên (cũ) nay là xã V, tỉnh Tuyên Quang; bị đơn là anh Lê Thanh D có địa chỉ thường trú tại thôn 14, xã V, tỉnh Tuyên Quang; nội dung yêu cầu Toà án giải quyết về quan hệ hôn nhân, con chung; về tài sản, công nợ chung không đề nghị giải quyết nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025; vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 4 - tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà: tại phiên toà ngày 14/5/2026, các bên đương sự tiếp tục vắng mặt (*nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ*). Do đó, HĐXX quyết định vẫn tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Duý Thị Ph HĐXX thấy rằng: chị Ph và anh D xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã theo quy định của pháp luật, mâu thuẫn phát sinh, lý do là cả hai có sự khác biệt về quan điểm sống, thiếu sự thấu hiểu, đồng cảm giữa hai bên, không có tiếng nói chung; thiếu sự san sẻ trong công việc nhà, cũng như chăm sóc con cái, quản lý, chi tiêu tài chính trong gia đình. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được mọi người trong gia đình khuyên bảo nhiều lần, nhưng không có kết quả; về phía anh D đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp, phiên toà của Toà án mà không có lý

do chính đáng mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Như vậy, đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ph và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Phung có nguyện vọng xin ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: quá trình chung sống, chị Ph, anh D có hai con chung là cháu Lê Thanh H, sinh ngày 02/02/2019 và cháu Lê Linh Đ, sinh ngày 30/11/2020. Hiện tại các cháu Lê Thanh H, Lê Linh Đ đang ở cùng với mẹ là chị Duỳ Thị Ph; chị Ph hiện tại có công việc và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu, đồng thời chị Ph không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung; về phía cháu Lê Thanh H, sinh ngày 02/02/2019 cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Ph; cháu Lê Linh Đ còn nhỏ cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ. Do đó, HĐXX xét thấy cần giao cả hai cháu Lê Thanh H, sinh ngày 02/02/2019 và cháu Lê Linh Đ, sinh ngày 30/11/2020 cho chị Duỳ Thị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, anh Lê Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp; bảo đảm quyền và lợi ích của con chưa thành niên.

[5] Về tài sản, công nợ: không có, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến, quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận.

[7] Về án phí: chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016. Anh Duy không phải chịu án phí.

[8] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Duỳ Thị Ph.
2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Duỳ Thị Ph được ly hôn với anh Lê Thanh D.
3. Về con chung: giao các cháu Lê Thanh H, sinh ngày 02/02/2019 và cháu Lê Linh Đ, sinh ngày 30/11/2020 cho chị Duỳ Thị Ph trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Thanh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm

nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hoặc do yêu cầu của một trong các bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản, công nợ chung: không đề cập giải quyết.

5. Về án phí: chị Duỳ Thị Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ph đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000393 ngày 09/03/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Lê Thanh D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 4 - Tuyên Quang;
- UBND xã Vị Xuyên, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Phòng GD, KT, TT và THA, Tòa DS;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường